ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Số: TVHN-279/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 06 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/10 trên các sông, kênh thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 40-95cm. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại trạm Khánh An, Châu Đốc dưới BĐ1 từ 27-34cm; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu dưới BĐ1 66cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/10 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 30-70cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ1 15cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ1 29cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân dưới BĐ1 19cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/10 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 05-25cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế tại Vĩnh Gia, Vĩnh Điều; trên kênh T3 tại Vĩnh Phú; trên kênh T5 tại Nông Trường và trên kênh Tám Ngàn tại Lò Gạch thấp hơn BĐ1 từ 10-40cm. Mực nước cao nhất tại các trạm còn lại phổ biến trên BĐ1 từ 15-35cm đến dưới BĐ2 từ 05-10cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 05/10 là 72cm (dưới BĐ1 08cm), thấp hơn đỉnh triều ngày hôm trước 08cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên nhanh theo kỳ triều cường đầu tháng Chín (Âm Lịch). Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên khả năng trên BĐ3 15cm và trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới ở mức trên BĐ2 khoảng 10cm

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ, Mỹ Hòa Hưng và vùng ven sông Cái Lớn, Cái Bé; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 07/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 05/10		So với 04/10		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3									06/10	07/10	08/10	09/10	10/10
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	284	-8	▼	-83	▼	-78	▼	285	287	290	293	295
					Hmin	245	-11	▼	-95	▼	-92	▼	245	247	250	252	255
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	229	-4	▼	-55	▼	-28	▼	236	240	245	250	260
					Hmin	158	-11	▼	-66	▼	-61	▼	148	138	141	148	160
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	393	-9	▼	-78	▼	-38	▼	385	378	372	367	362
					Hmin	385	-8	▼	-83	▼	-42	▼	378	372	367	362	357
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	266	-6	▼	-50	▼	-60	▼	270	272	275	278	280
					Hmin	226	-8	▼	-57	▼	-82	▼	224	224	226	228	230
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	205	0	◀▶	-41	▼	-4	▼	220	230	240	250	265
					Hmin	120	-8	▼	-41	▼	-34	▼	110	100	103	110	120
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	231	-4	▼	-55	▼	-41	▼	240	245	250	255	265
					Hmin	170	-11	▼	-64	▼	-70	▼	160	150	153	160	170
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	297	-7	▼	-11	▼	-13	▼	292	287	282	277	272
					Hmin	292	-5	▼	-12	▼	-15	▼	287	282	277	272	267
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	158	-4	▼	17	▲	-13	▼	155	152	149	147	146
					Hmin	156	-2	▼	17	▲	-12	▼	152	149	147	146	144
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	144	-3	▼	21	▲	23	▲	141	138	135	133	132
					Hmin	142	-2	▼	22	▲	25	▲	138	135	133	132	130
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	128	-2	▼	17	▲	17	▲	126	124	122	121	120
					Hmin	125	-3	▼	15	▲	18	▲	124	122	121	120	118
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	137	-3	▼	17	▲	19	▲	135	133	131	130	129
					Hmin	136	-1	◀▶	18	▲	21	▲	133	131	130	129	127
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	192	-6	▼	-2	▼	-18	▼	190	188	186	184	184
					Hmin	186	-6	▼	-5	▼	-21	▼	182	179	178	177	177
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	181	-4	▼	15	▲	20	▲	179	177	175	173	173
					Hmin	177	-4	▼	14	▲	18	▲	173	170	169	168	168
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	117	-2	▼	10	▲	22	▲	116	114	112	110	110
					Hmin	116	-1	◀▶	10	▲	24	▲	114	112	110	110	108
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	155	-5	▼	20	▲	-13	▼	153	151	149	147	147
					Hmin	151	-4	▼	19	▲	-14	▼	147	144	143	142	142
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	176	-5	▼	8	▲	14	▲	174	172	170	168	168
					Hmin	168	-5	▼	6	▲	10	▲	163	160	159	158	157
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	219	-7	▼	-19	▼	-7	▼	213	216	218	221	225
					Hmin	201	-8	▼	-27	▼	-18	▼	193	193	195	197	200
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	162	-6	▼	-2	▼	-10	▼	158	159	160	161	163
					Hmin	142	-8	▼	-8	▼	-22	▼	136	134	136	138	140

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**134**	-4 ▼	12 ▲	19 ▲	130	131	132	133	135
					Hmin	**128**	-5 ▼	9 ▲	18 ▲	125	123	125	127	129
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**110**	-2 ▼	14 ▲	7 ▲	105	106	107	108	110
					Hmin	**105**	-5 ▼	11 ▲	5 ▲	100	98	100	102	104
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**67**	-3 ▼	4 ▲	13 ▲	65	60	55	50	55
					Hmin	**12**	-5 ▼	10 ▲	11 ▲	15	16	17	15	13
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**72**	-8 ▼	9 ▲	24 ▲	70	65	60	50	60
					Hmin	**-11**	-6 ▼	10 ▲	5 ▲	-12	-13	-14	-15	-15

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

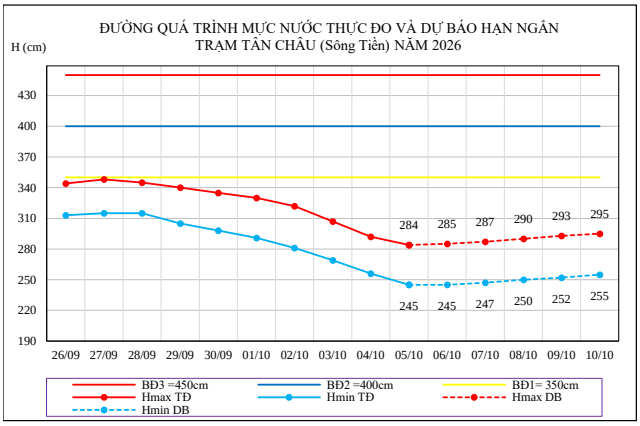

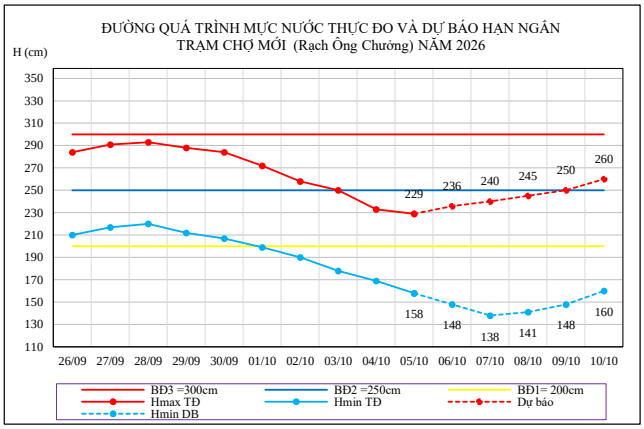

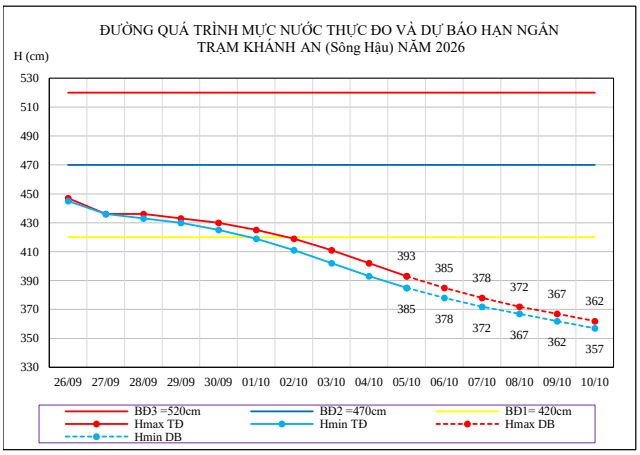

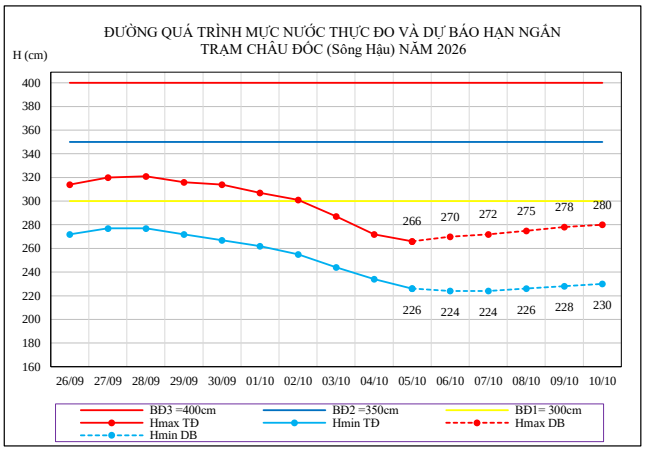

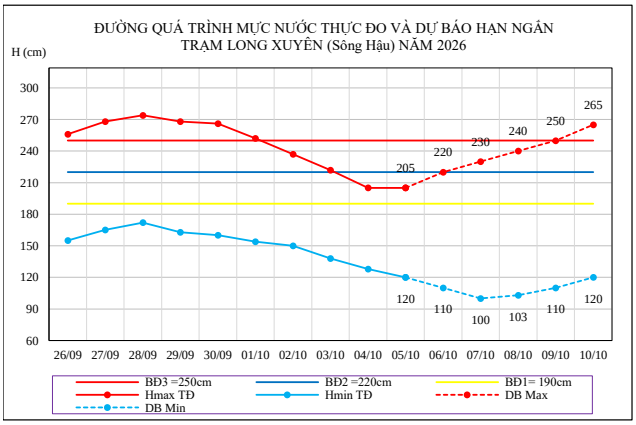

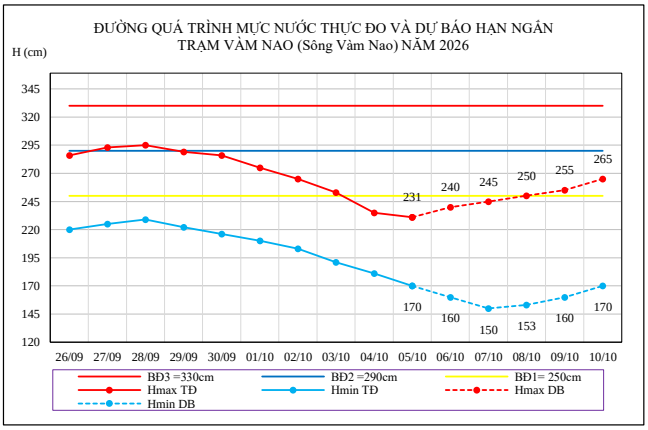

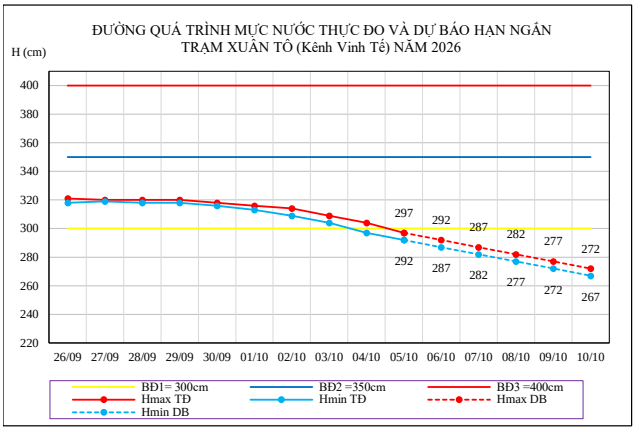
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

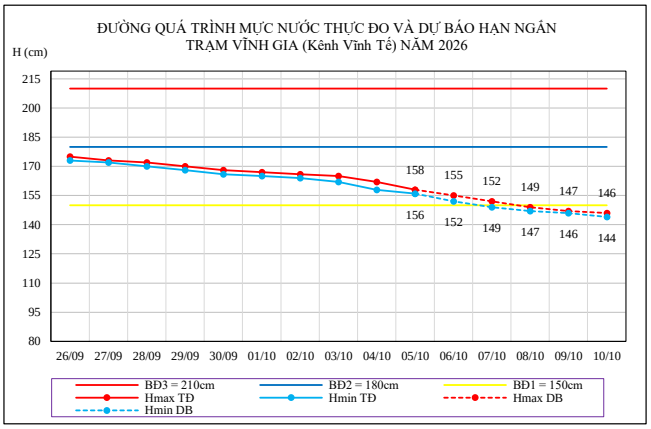
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

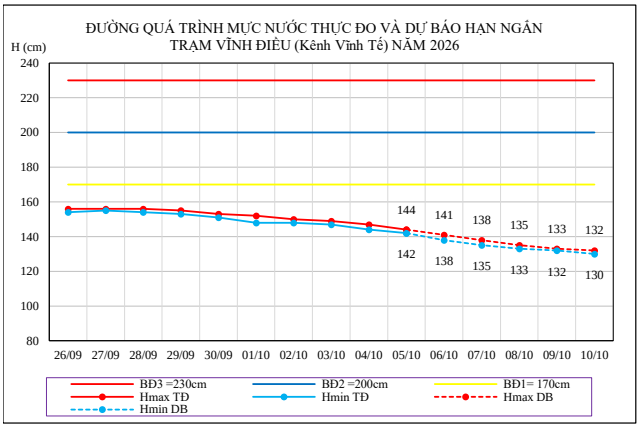
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

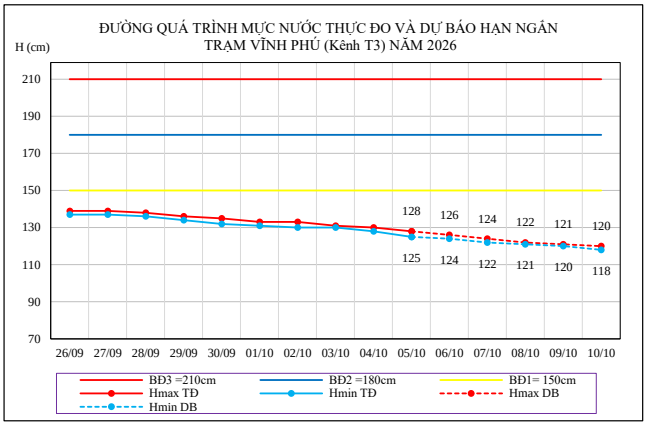
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

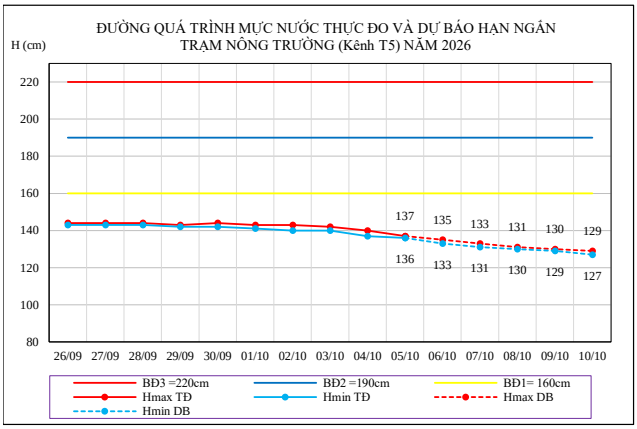
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

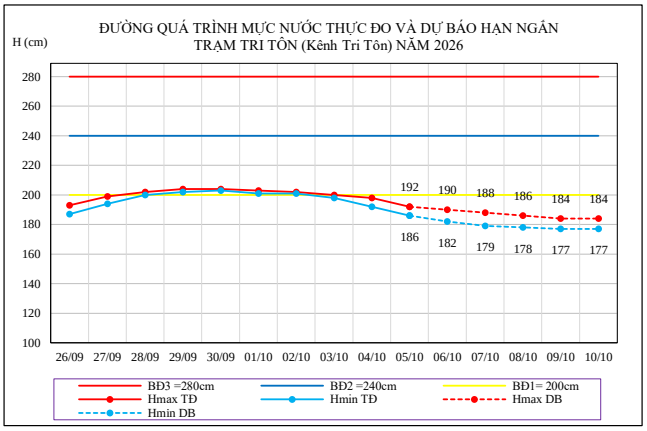
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

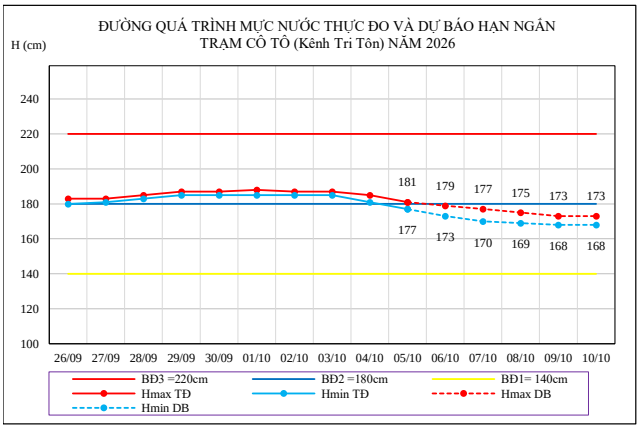
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CÔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

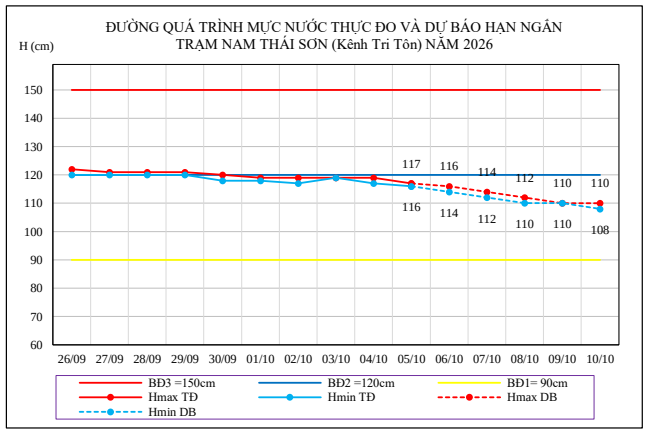
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

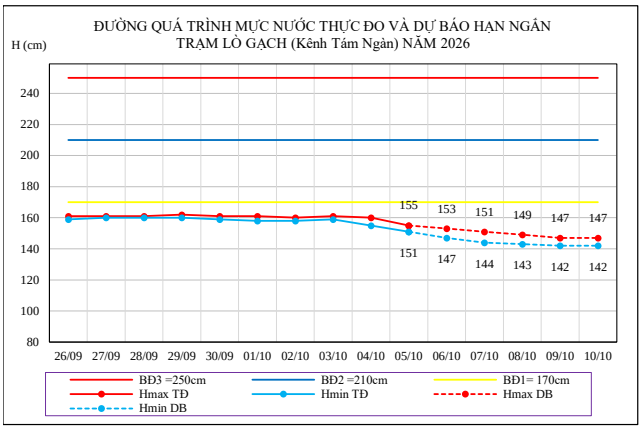
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

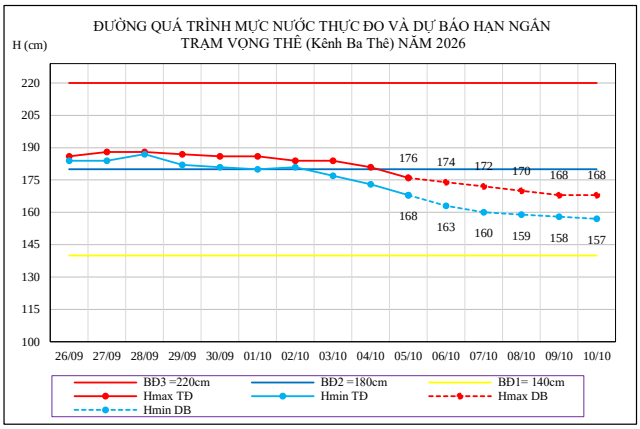
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

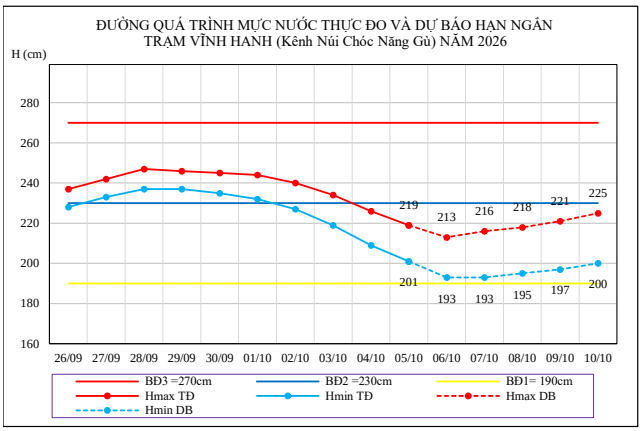
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

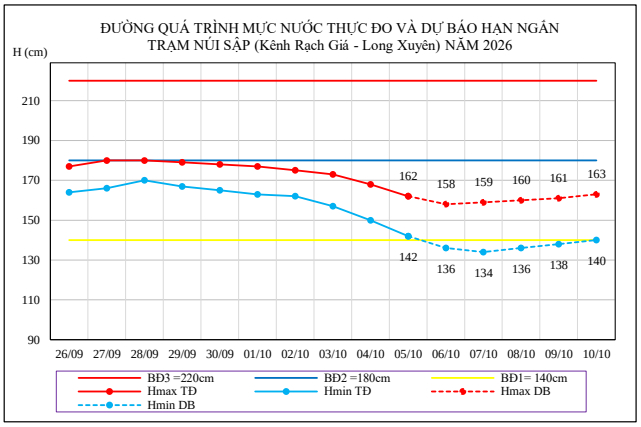
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

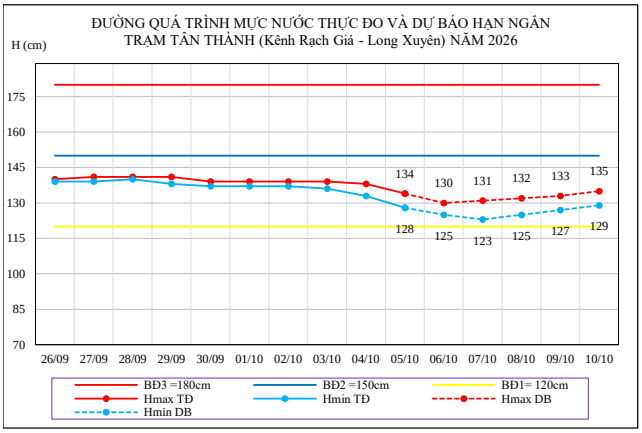
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

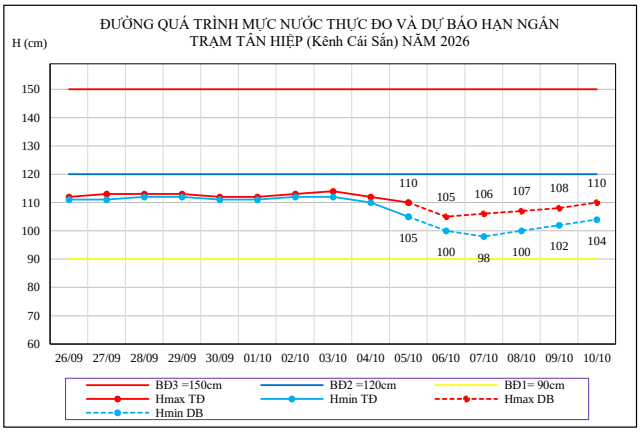
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

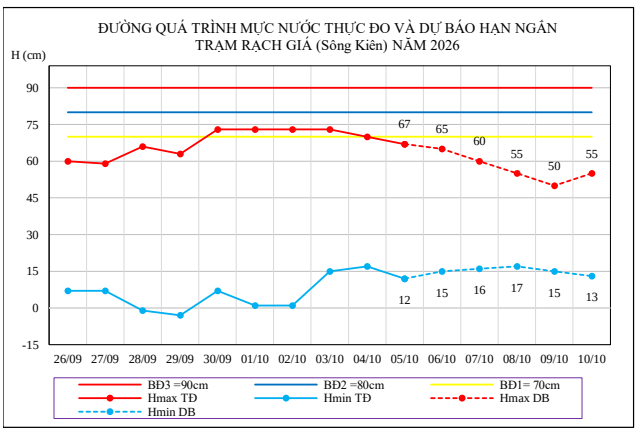
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

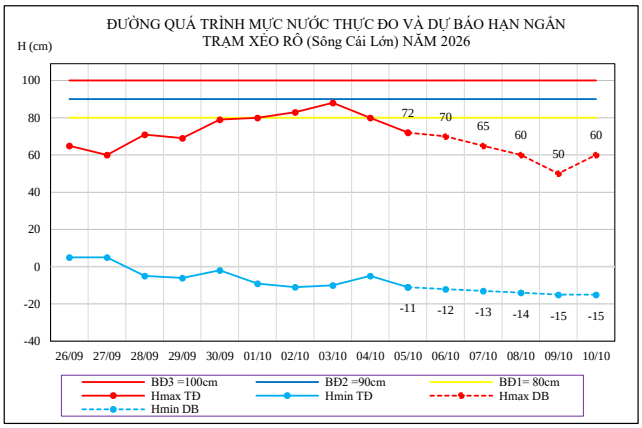
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB